

### 【30】 児童個人カード（4月）

子どもの住所、電話番号、生まれた日、保護者の名前、家族の名前、子どもがいつも行く病院、緊急時（学校で子どもが熱を出したり、怪我をした時）の連絡先、アレルギー、保険証の種類などを書く書類です。

#### ① Personal Student Card

It is a document to show the child's address, telephone number, birthday, parents/parent names, family hospital, emergency contact number (to contact parents when a child has a fever or is injured at school), what allergies they may have, their type of health insurance card, and so on.

#### ② 儿童个人卡

这是一份写有孩子住址、电话号码、出生日期、家长姓名、家庭成员姓名、孩子通常去的医院、紧急情况下（在学校发烧或受伤时）的联系方式、过敏症、医保卡类型等信息的表单。

#### ③ 兒童個人卡

這是一份寫有兒童住址、電話號碼、出生日期、家長姓名、家庭成員姓名、兒童通常去的醫院、緊急情況下（在學校發燒或受傷時）的聯繫方式、過敏、健保卡類型等信息的表單。

#### ④ Thẻ cá nhân của học sinh

Đây là loại giấy tờ ghi các thông tin của trẻ như địa chỉ nhà, ngày tháng năm sinh, tên phụ huynh/người giám hộ, tên thành viên trong gia đình, tên bệnh viện/clinic trẻ hay đi, trường hợp khẩn cấp (ví dụ bị sốt khi đến trường, khi bị thương...) thì liên lạc ai (số điện thoại..), có dị ứng không, loại bảo hiểm của trẻ tham gia là gì v.v.

#### ⑤ बालबालिका व्यक्तिगत कार्ड

बालबालिका को ठेगाना , फोन नम्बर , जन्मेको दिन , अभिभावक को नाम , परिवारको नाम , बालबालिकालाई सँधै चेक गराउन लगिने अस्पतालको नाम , आपतकालीन समयमा ( बालबालिकालाई विद्यालयमा ज्वरो आउँदा, चोटपटक लाग्दा ) खबर गर्ने ठेगाना , एलर्जी , बिमा कार्डका प्रकार जस्ता कुराहरू लेखिने कार्ड हो ।

#### ⑥ Kartu Identitas anak (biodata anak)

Alamat anak, nomor telepon, tanggal lahir, nama wali, nama keluarga, rumah sakit yang biasa didatangi anak, informasi kontak darurat (ketika anak mengalami demam atau cedera di sekolah), alergi. Dokumen yang menjelaskan jenis asuransi.